

**BỘ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

TÂM LÝ HỌC PHỤ NỮ

(Bài giảng đào tạo cử nhân Tâm lý học)

**Chủ biên: Ths. Đỗ Thị An
TS. Nguyễn Thị Hiền**

Hà Nội, năm 2020

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
CHƯƠNG 1.....	6
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC PHỤ NỮ.....	6
1.1. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học phụ nữ.....	6
1.1.1. Khái niệm tâm lý học phụ nữ.....	6
1.1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý học phụ nữ.....	7
1.2. Đôi nét về lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học phụ nữ	7
1.3. Một số phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phụ nữ.....	14
1.3.1 Các nguyên tắc phương pháp luận	14
1.3.2. Một số phương pháp nghiên cứu cụ thể	15
Câu hỏi ôn tập chương 1	26
CHƯƠNG 2.....	27
ĐẶC ĐIỂM TÂM SINH LÝ CỦA PHỤ NỮ	27
QUA CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN.....	27
2.1. Một số điểm đặc trưng trong cấu tạo cơ thể của phụ nữ.....	27
2.2. Vai trò của phụ nữ trên thế giới và ở Việt Nam.....	30
2.3. Một số đặc điểm tâm lý của phụ nữ	44
2.2.1 Một số nhu cầu đặc trưng của phụ nữ.....	44
2.2.2. Đời sống tình cảm của phụ nữ	49
2.2.3. Một số phẩm chất của phụ nữ Việt Nam	52
2.2.4. Một số nhân tố tác động đến đạo đức, nhân cách của phụ nữ Việt Nam hiện nay	56
2.4. Một số điểm khác biệt về tâm lý giữa phụ nữ và đàn ông.	57
2.4.1. Cảm nhận sự đau đớn.....	58
2.4.2. Cảm xúc	58
2.4.3. Ứng phó với stress.....	59
2.4.4. Khả năng học tập.....	61

2.4.5. Khả năng làm nhiều việc cùng lúc.....	61
2.4.6. Các đặc điểm liên quan đến giúp đỡ và chăm sóc	62
2.4.7. Cách tiếp cận.....	62
2.4.8. Sự khác biệt trong giao tiếp giữa phụ nữ và đàn ông.....	63
2.4.9. Khả năng tập trung	68
2.4.10. Khả năng định vị không gian	69
2.4.11. Đặc điểm của tình bạn thân thiết.....	70
2.5. Một số đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ qua các giai đoạn phát triển	70
2.5.1. Một số đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ trẻ - trưởng thành (giai đoạn từ 18 đến 40 tuổi).....	70
2.5.2. Một số đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ trung niên (giai đoạn từ 40 đến 60 tuổi).....	73
2.5.3. Một số đặc điểm tâm sinh lý phụ nữ cao tuổi (giai đoạn trên 60 tuổi).....	103
Câu hỏi ôn tập chương 2	109
CHƯƠNG 3.....	110
MỘT SỐ KHÓ KHĂN TÂM LÝ Ở PHỤ NỮ	110
3.1. Trầm cảm sau sinh.....	111
3.1.1. Khái niệm về trầm cảm sau sinh.....	111
3.1.2. Hậu quả của trầm cảm sau sinh	115
3.1.3. Các triệu chứng và mức độ của trầm cảm sau sinh.....	121
3.1.4. Những dấu hiệu cần theo dõi.....	132
3.1.5. Ai là người có nguy cơ mắc trầm cảm sau sinh	133
3.1.6. Làm gì để ứng phó với trầm cảm sau sinh	134
3.2. Khủng hoảng tuổi trung niên ở phụ nữ	136
3.3.1. Một số dấu hiệu khủng hoảng.....	138
3.3.2. Làm gì để vượt qua giai đoạn khủng hoảng tuổi trung niên.....	138
Chủ động đối mặt với cơn khủng hoảng tâm lý tuổi trung niên bằng lối sống khoa học hợp lý	139
3.4. Những tổn thương tâm lý ở phụ nữ bị bạo lực gia đình.....	140

3.4.1. Khái niệm về tổn thương tâm lý, bạo lực gia đình và tổn thương tâm lý của phụ nữ bị bạo lực gia đình	140
3.4.2. Các hình thức bạo lực gia đình với phụ nữ.....	143
3.4.3. Những tổn thương tâm lý của phụ nữ bị bạo lực gia đình	145
Mắc chứng trầm cảm và tâm thần vì bị chồng đánh.....	146
3.4.4. Hậu quả của việc phụ nữ bị bạo lực gia đình	149
3.4.5. Một số giải pháp ngăn ngừa bạo lực gia đình.....	151
3.5. Một số khó khăn, trở ngại của người phụ nữ làm lãnh đạo	155
3.5.1. Khái niệm lãnh đạo.....	155
3.5.2. Một số trở ngại và khó khăn tâm lý của người phụ nữ làm lãnh đạo.....	156
3.5.3. Hỗ trợ phụ nữ làm lãnh đạo vượt qua khó khăn trở ngại tâm lý.	160
Câu hỏi ôn tập chương 3	162

LỜI NÓI ĐẦU

Đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về tâm lý phụ nữ của sinh viên ngành Tâm lý học và đáp ứng nhu cầu tìm hiểu về đời sống tâm lý và những vấn đề khó khăn tâm lý người phụ nữ gặp phải, nhóm tác giả đã tiến hành biên soạn tập bài giảng Tâm lý học phụ nữ. Tâm lý học phụ nữ là một chuyên ngành của khoa học tâm lý. Chính vì vậy tập bài giảng tâm lý học phụ nữ sẽ cung cấp cho người đọc những kiến thức chung chuyên sâu về tâm lý học phụ nữ, đối tượng, lịch sử hình thành, các quan điểm tiếp cận phụ nữ trong lịch sử phát triển và các phương pháp nghiên cứu tâm lý phụ nữ. Bên cạnh đó, tập bài giảng cũng chỉ ra những đặc điểm tâm sinh lý phụ nữ qua từng giai đoạn lứa tuổi. Đồng thời, trong tập bài giảng này nhóm tác giả cũng đề cập đến một số vấn đề/ khó khăn tâm lý mà người phụ nữ gặp phải. Trên cơ sở trình bày và phân tích hệ thống lý luận trên, nhóm tác giả cũng mong đợi người học có cách nhìn nhận khoa học, đầy đủ và có khả năng phân tích, nghiên cứu đặc điểm tâm sinh lý phụ nữ để hiểu hơn về phụ nữ và hỗ trợ, làm việc với phụ nữ một cách hiệu quả, nâng cao chất lượng đời sống của họ.

Tập bài giảng tâm lý học phụ nữ bao gồm 3 chương. Chương 1 do TS. Nguyễn Thị Hiền biên soạn; chương 2 và chương 3 do Ths. Đỗ Thị An biên soạn với các đề mục cụ thể như sau:

Chương 1: Những vấn đề chung của Tâm lý học phụ nữ

Chương 2: Tâm sinh lý phụ nữ qua các giai đoạn phát triển

Chương 3: Một số vấn đề khó khăn tâm lý gặp phải ở phụ nữ

Nhân dịp này, nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của các chuyên gia và các bạn đồng nghiệp đã giúp đỡ chúng tôi trong quá trình biên soạn. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý độc giả và các bạn đồng nghiệp để cuốn tài liệu được hoàn chỉnh hơn.

Xin chân thành cảm ơn!

Hà nội, năm 2020

NHÓM TÁC GIẢ

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA TÂM LÝ HỌC PHỤ NỮ

Tâm lý học phụ nữ là một chuyên ngành hẹp của khoa học tâm lý, nghiên cứu những khía cạnh tâm lý, những diễn biến và phát triển các hiện tượng tâm lý ở phụ nữ.

Chương 1, chúng tôi trình bày và phân tích lý luận về tâm lý học phụ nữ, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Khái niệm tâm lý học phụ nữ, đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học phụ nữ.
- Đôi nét về lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học phụ nữ và các quan điểm tiếp cận về phụ nữ và tâm lý học phụ nữ
- Một số nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý học phụ nữ.

1.1. Khái niệm, đối tượng và nhiệm vụ của tâm lý học phụ nữ

1.1.1. Khái niệm tâm lý học phụ nữ

Trong ngôn ngữ Việt Nam, có nhiều từ gần nghĩa với "phụ nữ", đều chỉ một nhóm đối tượng thuộc nữ giới nhưng mang tính phân loại cao hơn.

Thuật ngữ “Đàn bà” cho một cái nhìn bao hàm nhiều mặt, cả về khía cạnh xã hội cũng như bản chất sinh học... Thông thường, chỉ nên sử dụng từ "đàn bà" khi cần một cái nhìn thật sự trung lập, hoặc muốn thể hiện một thái độ thiếu thiện cảm, một chút kỳ thị đối với nữ giới đó, bởi nó khiến người ta liên tưởng đến những mặt xấu, hoặc được cho là xấu, mang đặc trưng và thường gặp ở nữ giới.

“Con gái” chỉ những nữ giới trẻ, thường ở độ tuổi vị thành niên và thanh niên, những người đã có biểu hiện rõ ràng của giới tính nữ (nhỏ hơn nữa thì được gọi là bé gái) nhưng chưa được cho là trưởng thành.

Tuy nhiên, thực tế có những điều thật khó phân định về đàn bà hay cô gái. Có những nữ giới mặc dù chưa kết hôn, chưa quan hệ tình dục... nhưng có nhiều biểu hiện tâm thường vẫn bị coi là "đàn bà"; mặt khác, cũng có những nữ giới đã trưởng thành nhưng dưới một cái nhìn cao hơn, vẫn được cho là ngây thơ, trong sáng... và được gọi là "cô gái". Ngoài ra, còn một số từ khác để chỉ đối tượng nữ giới, như "mụ", "thị"... nhưng ít được sử dụng và thể hiện thành kiến cá nhân. Trong khuôn khổ của bài giảng này, chúng tôi đã thống nhất sử dụng thuật ngữ “phụ nữ” như sau: Phụ nữ chỉ một, một nhóm hay tất cả nữ giới đã trưởng thành, hoặc được cho là đã trưởng thành về mặt tâm

sinh lý và xã hội. Trên cơ sở đó chúng tôi thống nhất đi đến khái niệm về tâm lý học phụ nữ như sau: *Tâm lý học phụ nữ là một chuyên ngành hẹp của khoa học tâm lý, nghiên cứu những khía cạnh tâm lý, những diễn biến và phát triển các hiện tượng tâm lý ở phụ nữ.*

1.1.2. Đối tượng và nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý học phụ nữ

Muốn xác định đối tượng của một khoa học cần xem xét khách thể mà nó nghiên cứu để vạch ra bản chất của khách thể ấy. Vấn đề này tưởng như đơn giản, song việc xác định đối tượng nghiên cứu là một vấn đề phức tạp và khó khăn nhất. Ở đó luôn tồn tại những quan điểm khác nhau giữa các nhà tâm lý học và các trường phái tâm lý học.

Đối tượng: Tâm lý học phụ nữ hướng đến việc tìm hiểu những đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ theo các giai đoạn lứa tuổi và những khó khăn tâm lý của phụ nữ qua các giai đoạn phát triển và các vấn đề tâm lý họ gặp phải trong cuộc sống.

Nhiệm vụ của tâm lý học phụ nữ: Nghiên cứu và tìm hiểu về tâm lý học phụ nữ là thực hiện 2 nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản sau:

+ **Nhiệm vụ nghiên cứu lý luận:** Hệ thống hóa các vấn đề lý luận, xác định các khái niệm, các cách tiếp cận khi nghiên cứu, tìm hiểu về phụ nữ về đặc điểm tâm sinh lý của phụ nữ qua các giai đoạn, nhu cầu của phụ nữ và một số vấn đề tâm lý của phụ nữ.

+ **Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng:** Nghiên cứu tâm - sinh lý phụ nữ trong từng giai đoạn để có các biện pháp tác động, can thiệp phù hợp để từ đó hiểu và chăm sóc tốt hơn cho phụ nữ.

Trên cơ sở nghiên cứu các vấn đề tâm sinh lý của phụ nữ là một trong những việc làm thiết yếu góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho phụ nữ, giúp chị em ngày càng khẳng định được vai trò và vị thế của mình đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

1.2. Đôi nét về lịch sử hình thành và phát triển của tâm lý học phụ nữ

Quan điểm ban đầu của tâm lý học về phụ nữ nhìn chung mang tính tiêu cực. G.Stanley Hall, người sáng lập Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ và tiên phong trong lĩnh vực tâm lý học vị thành niên là người đã phản đối giáo dục đại học cho phụ nữ vì ông tin rằng công việc hàn lâm sẽ được phát triển với chi phí của sức mạnh sinh sản.

Vào cuối những năm 1800 và đầu những năm 1900, các nhà nghiên cứu về tâm lý học hầu như toàn là đàn ông. Cũng bởi lịch sử lúc bấy giờ phụ nữ chưa có quyền đi bầu cử vì quan điểm đưa ra là trí thông minh và kỹ năng suy luận của phụ nữ kém.

Đến năm 1920 phụ nữ Mỹ mới có quyền được đi bỏ phiếu. Do vậy, những nghiên cứu ban đầu tập trung vào so sánh giới và nó thường bị ảnh hưởng bởi khuynh hướng phân biệt giới tính.

Nhà tâm lý học Helen Thompson Woolley (1910) tuyên bố rằng nghiên cứu ban đầu về phụ nữ thấm nhuần sự thiên vị cá nhân trắng trợn, những lời khẳng định vô căn cứ, và thậm chí cả tình cảm thối rữa và lừa đảo. Nghiên cứu của bà chứng minh rằng đàn ông và phụ nữ có khả năng trí tuệ tương tự nhau. Hơn nữa, phụ nữ thực sự kiếm được điểm số cao hơn trong một số nhiệm vụ về trí nhớ và tư duy.

Leta Stetter Hollingworth (1914) cũng nghiên cứu về khuynh hướng giới tính. Bà đã chứng minh rằng chu kỳ kinh nguyệt của phụ nữ ít ảnh hưởng đến khả năng trí tuệ của họ, một kết luận mâu thuẫn với một niềm tin phổ biến. Thế hệ các nhà tâm lý học nữ đầu tiên này đã sử dụng kết quả nghiên cứu của họ để lập luận rằng phụ nữ và nam giới nên có quyền truy cập như nhau vào giáo dục đại học.

Đến thời điểm này, có thể thấy số lượng các nhà tâm lý là phụ nữ đã tăng lên, nữ quyền và phong trào phụ nữ đã được công nhận trong các trường đại học, và cũng có nhiều khóa học nghiên cứu về phụ nữ. Mối quan tâm ngày càng tăng nhanh ở phụ nữ đã tác động đến lĩnh vực tâm lý học. Ở Mỹ, Hiệp hội Phụ nữ Tâm lý học được thành lập năm 1969. Tiếp đó, năm 1973, một nhóm các nhà tâm lý học người Mỹ đã thành lập một tổ chức mà bây giờ được gọi là Hiệp hội Tâm lý Phụ nữ; hiện tại nó là một trong các bộ phận lớn nhất trong Hiệp hội Tâm lý học Hoa Kỳ.

Năm 1972, một nhóm các nhà tâm lý học người Canada đã đệ trình một đề xuất cho một hội nghị chuyên đề có tên là Phụ nữ, bởi Phụ nữ biểu tình với Hiệp hội Tâm lý học Canada. Khi tổ chức này từ chối đề xuất của họ, họ đã khéo léo quyết định tổ chức hội nghị chuyên đề này tại một khách sạn gần đó. Ngay sau đó, các nhà lãnh đạo nữ quyền này đã thành lập lực lượng đặc nhiệm của Hiệp hội Tâm lý học Canada về tình trạng phụ nữ trong tâm lý học Canada. Ở cả Hoa Kỳ và Canada, tâm lý của phụ nữ hoặc tâm lý về giới đã trở thành một khóa học tiêu chuẩn trên nhiều cơ sở đại học.

Bắt đầu từ những năm 1970, nghiên cứu về tâm lý của phụ nữ cũng mở rộng đáng kể. Các nhà nghiên cứu bắt đầu tìm hiểu các chủ đề như động lực thành tích của phụ nữ, bạo lực gia đình, quấy rối tình dục và các chủ đề khác trước đây đã bị bỏ qua.

Tuy nhiên, công việc được thực hiện trong những năm 1970 thường có hai vấn đề. Đầu tiên, các học giả nữ quyền đã không nhận ra rằng vấn đề về giới là vô cùng phức tạp. Ví dụ, hầu hết người phụ nữ đều lạc quan nghĩ rằng chỉ một số yếu tố có thể giải thích tại sao rất ít phụ nữ giữ vị trí quản lý hàng đầu. Khi cố gắng xác định tại sao phụ nữ khan hiếm ở các vị trí quản lý, các nhà nghiên cứu từ thời đại này thường đưa ra hai câu trả lời: (1) Phụ nữ không đủ quyết đoán và (2) phụ nữ sợ thành công. Các nhà nghiên cứu đã bỏ qua một ý tưởng khác: Tình hình có thể bị lỗi do các chính sách và định kiến thể chế thiên vị.

Lĩnh vực tâm lý học về phụ nữ hiện nay mang tính liên ngành. Đó là sự tích lũy các kiến thức từ các lĩnh vực đa dạng như: sinh học, y học, xã các hội học, nhân chủng học, lịch sử, triết học, tôn giáo, nghiên cứu truyền thông, khoa học chính trị, kinh tế, kinh doanh, giáo dục... Tuy nhiên, nghiên cứu về tâm lý của phụ nữ còn khá trẻ, cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu và khai thác.

Tìm hiểu lịch sử tâm lý học phụ nữ chúng ta cũng không thể bỏ qua việc điếm lại các quan điểm tiếp cận về phụ nữ. Trong khuôn khổ bài giảng này, chúng tôi xin phép được giới thiệu 3 quan điểm cơ bản khi tiếp cận phụ nữ.

Quan điểm 1: phụ nữ trong phát triển

Từ thập niên 1970 đến nay, thuật ngữ “phụ nữ trong phát triển - WID” (women in development –WID) ngày càng được sử dụng rộng rãi. Phụ nữ trong phát triển - WID được hiểu là sự hòa nhập người phụ nữ vào quá trình phát triển kinh tế, xã hội, chính trị. Khái niệm này bắt đầu được sử dụng từ thập niên 1970, sau khi quyển sách “Vai trò của phụ nữ trong phát triển - WID kinh tế” của Elster Boserup được xuất bản. Boserup là người đầu tiên phân tích sự phân công lao động theo giới tính trong nền kinh tế nông nghiệp. Boserup đã phân tích tác động của những cải tiến kỹ thuật đối với nam giới và nữ giới và đưa ra những kết luận sau:

Ở những vùng mật độ dân cư thưa thớt, còn áp dụng lề lối du canh, phụ nữ đảm nhận hầu hết công việc đồng áng. Ở những vùng mật độ dân số cao hơn, có công cụ như cày, bừa... nam giới làm nhiều công việc đồng áng hơn. Ở những vùng thâm

canh, có tưới nước, cả nam và nữ cùng tham gia lao động. Trước đó Boserup đã có những nghiên cứu về kinh tế nông nghiệp rất có giá trị được các nhà nghiên cứu xã hội và quy hoạch sử dụng từ lâu. Trong tác phẩm này, Boserup dùng giới như là một cơ sở để phân tích, đặt trọng tâm vào sự phân công lao động và những tác động khác nhau đối với giới của các chiến lược phát triển và hiện đại hóa.

Thuật ngữ phụ nữ trong phát triển - WID được Ủy ban phụ nữ của Washington D.C. sử dụng nhằm để kêu gọi sự chú ý của các nhà làm chính sách Mỹ đối với khái niệm này. Các nhà phụ nữ học Mỹ luôn luôn bênh vực cho sự hội nhập chính thức của phụ nữ, dựa trên cơ sở pháp lý vào trong các hệ thống kinh tế. Họ đặt ưu tiên vào các chiến lược phát triển và chương trình hành động nhằm giảm xuống mức thấp nhất những thiệt thòi của phụ nữ trong hoạt động sản xuất và chấm dứt sự phân biệt đối xử đối với họ.

Như vậy, cách tiếp cận của phụ nữ trong phát triển - WID gắn liền với những tiêu chuẩn của hiện đại hóa vốn là luồng tư tưởng chiếm ưu thế trong sự phát triển của thế giới từ thập niên 1950 đến 1970. Trong thời gian này, người ta cho rằng hiện đại hóa, công nghiệp hóa sẽ cải thiện điều kiện sống của dân cư các nước đang phát triển. Người ta lập luận rằng với sự phát triển giáo dục sẽ có một tầng lớp những người lao động và những nhà quản lý giỏi; điều này đến lượt nó sẽ làm thay đổi các xã hội nông nghiệp thành những xã hội công nghiệp hiện đại. Với sự phát triển kinh tế của các nước này thì những thành quả của hiện đại hóa (sức khỏe, điều kiện sống... được cải thiện) sẽ lan tỏa ra khắp mọi thành phần của xã hội. Sau này, quan điểm này còn được các kinh tế gia Mỹ theo cách tiếp cận “nguồn vốn con người” ủng hộ. Họ chủ trương đầu tư mạnh vào các hệ thống giáo dục và xây dựng một đội ngũ nòng cốt những người lao động và quản lý giỏi. Trong các dự án này, rất hiếm khi người phụ nữ được xem xét như là một yếu tố riêng để phân tích trong những nghiên cứu về hiện đại hóa của thời kỳ này. Những kinh nghiệm của nam giới được phổ quát hóa chung cho cả nữ giới. Người ta cho rằng mọi người đều hưởng thụ như nhau một khi xã hội ngày càng được hiện đại hóa.

Đến thập niên 1970, quan điểm về hiện đại hóa nêu trên bị nhiều nhà nghiên cứu phê phán. Họ cho rằng địa vị của người phụ nữ được cải thiện rất ít, thậm chí có nơi hoàn cảnh người phụ nữ có phần xấu đi. Ví dụ: trong các ngành công nghiệp, phụ

nữ bị đẩy xuống những công việc có thu nhập thấp, có hại cho sức khỏe, vì phụ nữ có trình độ học vấn thấp, và một phần vì họ được xem như không phải là người làm ra thu nhập chính. Trong nông nghiệp, những nghiên cứu của thập niên 1970 xác nhận lại những phát hiện của Boserup, đó là những cải tiến kỹ thuật thường hướng đến nam giới hơn là phụ nữ. Phụ nữ cũng ít được thừa hưởng những lợi ích của học vấn.

Như vậy, trong phạm vi khái niệm phụ nữ trong phát triển - WID, người ta thừa nhận rằng những kinh nghiệm về phát triển của phụ nữ khác với nam giới, từ đó củng cố hướng nghiên cứu chú trọng đến những kinh nghiệm và cách nhìn nhận của phụ nữ trong các vấn đề liên quan đến phát triển. Tuy nhiên, cách tiếp cận này đã dựa trên những giả thuyết về phát triển đã bắt đầu bị phê phán trong thập niên 1970.

Các thống kê bắt đầu cho thấy là phụ nữ ít được hưởng những thành quả của sự tiến bộ mà nhiều nước đã cố gắng thực hiện từ thập niên 1960, do đó người ta cần có một chiến lược mới. Cho đến giữa thập niên 1970, các tổ chức tài trợ bắt đầu thiết lập các chương trình can thiệp để điều chỉnh những bất cân xứng trong phát triển. Trong nhiều trường hợp, các giải pháp được chấp nhận là chuyển giao kỹ thuật, cung ứng các dịch vụ kỹ thuật, vốn hoặc phát triển các kỹ thuật thích nghi nhằm làm giảm bớt gánh nặng công việc của phụ nữ.

Cách tiếp cận phụ nữ trong phát triển - WID khởi đầu từ chỗ chấp nhận cơ cấu xã hội hiện hữu. Thay vì tìm hiểu lý do tại sao phụ nữ được hưởng ít thành quả của các chiến lược phát triển trong quá khứ, cách tiếp cận phụ nữ trong phát triển - WID chỉ đặt trọng tâm vào việc làm thế nào để người phụ nữ có thể hòa nhập tốt hơn vào các tiến trình phát triển.

Cách tiếp cận này tránh được việc tìm hiểu nguồn gốc cũng như tính chất của sự lệ thuộc và áp bức phụ nữ, mà chỉ bênh vực cho việc tham gia bình đẳng hơn vào giáo dục, việc làm và các lãnh vực khác của xã hội. Hơn nữa, vì WID gắn sâu vào lý thuyết hiện đại hóa nên nó không thừa nhận sự đóng góp của những quan điểm triệt để hơn như lý thuyết về sự lệ thuộc của Marx, cũng như những phân tích tân mác-xít. WID cũng có xu hướng bỏ qua tác động của giai cấp, chủng tộc, văn hóa, và có xu hướng phi lịch sử. WID xem giới là một đơn vị để phân tích nhưng không thừa nhận có những sự phân chia và các mối quan hệ bóc lột giữa phụ nữ với nhau, cũng không thừa nhận là sự bóc lột là một thành tố của hệ thống tích lũy tư bản.

Cách tiếp cận WID có xu hướng chỉ đặt trọng tâm vào các khía cạnh sản xuất của lao động là phụ nữ, không chú ý, hoặc rất ít, đến khía cạnh tái sản xuất nấu ăn, giặt giũ, chăm sóc con, việc nhà... nghĩa là những hoạt động giúp tái sản xuất sức lao động của cuộc sống người phụ nữ. Do đó, những dự án kiểu WID thường nhắm đến các hoạt động tăng thu nhập trong đó người phụ nữ được huấn luyện các kỹ năng nghề nghiệp, đôi khi được tập hợp lại thành những hợp tác xã để làm tiếp thị. Một vài khía cạnh về an sinh xã hội được thêm vào các dự án: giáo dục, vệ sinh, chăm sóc sức khỏe... Thông thường, những người làm dự án ít khi điều nghiên thị trường sản phẩm, và nhất là không chú ý đến tình trạng phụ nữ đã bị quá tải vì công việc và trách nhiệm. Giả thuyết thông thường là hoạt động phát sinh lợi tức đã đủ hấp dẫn để thúc đẩy người phụ nữ sắp đặt thời gian để tham gia dự án. Nhưng khi các dự án nâng cao thu nhập thành công và có nguồn thu nhập quan trọng thì thường bị đàn ông chiếm lấy. Cách tiếp cận WID không thể tự vệ trước thực tại này vì nó không đấu tranh với những mối quan hệ xã hội về giới để tiến tới bình đẳng giới. Nó dựa trên giả thuyết rằng các mối quan hệ về giới sẽ tự nó thay đổi khi phụ nữ có vai trò đầy đủ trong phát triển.

Quan điểm 2: Phụ nữ và phát triển (Women and Development – WAD)

Phụ nữ và phát triển (WAD) hay là cách tiếp cận tân mác-xít về nữ quyền mới xuất hiện vào nửa sau của thập niên 1970. Theo cách nhìn này thì phụ nữ luôn luôn là một phần của các quá trình phát triển và gắn bó rất mật thiết với việc duy trì sự lệ thuộc về kinh tế của các nước đang phát triển đối với các nước phát triển.

Như vậy, cách tiếp cận WAD đặt trọng tâm vào các mối quan hệ giữa phụ nữ và các quá trình phát triển hơn là các chiến lược hòa nhập phụ nữ vào phát triển. Xuất phát điểm của cách tiếp cận này là phụ nữ đã luôn luôn là một tác nhân kinh tế quan trọng trong xã hội của họ, công việc mà phụ nữ thực hiện cả trong gia đình và ngoài gia đình đóng vai trò trung tâm trong việc duy trì xã hội, nhưng sự hòa nhập này chỉ góp phần duy trì cơ cấu của sự bất bình đẳng hiện nay trên bình diện quốc tế. Cách tiếp cận WAD cho rằng nam giới các tầng lớp nghèo ở các nước đang phát triển cũng là nạn nhân của cơ cấu bất bình đẳng trên bình diện quốc tế, nhưng WAD lại không phân tích các mối quan hệ giới trong nội bộ từng giai cấp. Dù sao ở mức độ lý thuyết, WAD đặt trọng tâm vào tác động của giai cấp, nhưng ở mức độ xây dựng dự án, WAD

cũng có xu hướng như WID: tập hợp phụ nữ lại, không chú trọng phân tách sự phân chia thành giai cấp, chủng tộc v.v... để đấu tranh cho địa vị của người phụ nữ.

WAD có một quan điểm có tính chất phê phán hơn WID về địa vị của người phụ nữ, nhưng đã không phân tích được một cách đầy đủ các mối quan hệ giữa chế độ gia trưởng, các phương thức sản xuất và sự lệ thuộc, áp bức phụ nữ. Tóm tắt lại, WAD xem xét hoàn cảnh người phụ nữ trước hết trong bối cảnh một cơ cấu bất bình đẳng giai cấp trên bình diện quốc tế. Như vậy, vấn đề của người phụ nữ sẽ dần được giải quyết nếu cơ cấu xã hội bình đẳng hơn. Quan điểm này không khuyến khích việc nghiên cứu các vấn đề riêng của phụ nữ, vì cho rằng cả nam và nữ đều chịu nhiều bất công về giai cấp.

WID và WAD đều có nhược điểm là chỉ chú trọng đến khía cạnh sản xuất. Họ xem các hoạt động của phụ nữ trong gia đình (chăm sóc con cái...) là không có giá trị kinh tế; do đó, họ chỉ thường chú trọng đến các hoạt động phát sinh nâng cao lợi tức.

Quan điểm 3: Giới và phát triển (gender and development - GAD)

Xuất hiện trong thập niên 1980 thay thế cho những trọng tâm nghiên cứu của WID trước đây. Nguồn gốc lý thuyết của nó được tìm thấy trong thuyết nữ quyền theo khuynh hướng xã hội và đã lấp trống được khoảng cách các lý thuyết về hiện đại hóa để lại bằng cách gắn kết những mối quan hệ về sản xuất với các quan hệ về tái sản xuất bằng cách xem xét tất cả các khía cạnh của đời sống người phụ nữ. Các nhà nữ quyền theo khuynh hướng xã hội đã cho rằng cấu trúc xã hội về sản xuất và tái sản xuất là cơ sở của sự áp bức phụ nữ và đặt trọng tâm phân tích các mối quan hệ xã hội về giới, tìm hiểu tính chất của vai trò của phụ nữ và nam giới trong các xã hội khác nhau. Tìm hiểu tại sao phụ nữ lại luôn luôn có vai trò thứ yếu? Các nhà nghiên cứu nữ quyền theo khuynh hướng xã hội cũng chú ý nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ gia trưởng đối với vấn đề này. Kate Young đã xác định một số điểm mấu chốt trong cách tiếp cận GAD. Có lẽ điều có ý nghĩa nhất là GAD khởi đi từ một quan điểm toàn diện, xem xét toàn bộ tổ chức xã hội, đời sống kinh tế – chính trị để hiểu được sự hình thành của những khía cạnh khác nhau trong xã hội.

Như vậy, GAD quan tâm đến cấu trúc xã hội về giới và các vai trò, trách nhiệm, mong ước của nam giới và phụ nữ, chứ không tách rời đối tượng phụ nữ ra như là một đối tượng riêng biệt. Nói cách khác, những phân tích GAD tìm hiểu xa hơn các vai trò

của phụ nữ và nam giới trong xã hội, GAD còn nghiên cứu các mối quan hệ giữa nam và nữ, tác động của các mối quan hệ này đối với sự phát triển, và các lực có thể duy trì hay là thay đổi các mối quan hệ này. Cách tiếp cận GAD không chỉ nhằm hòa nhập phụ nữ vào trong phát triển mà còn nhằm tìm kiếm những tiềm năng về sáng kiến phát triển nhằm biến đổi các mối quan hệ bất bình đẳng về giới và tăng quyền lực cho phụ nữ. Mục tiêu dài hạn của GAD là sự tham gia, hợp tác bình đẳng của cả nam và nữ trong việc xác định và xây dựng tương lai chung cho họ.

Thay vì chỉ nhấn mạnh đến sự đoàn kết giữa phụ nữ với nhau, GAD ủng hộ sự tham gia của nam giới để họ chia sẻ mối quan tâm của họ về các vấn đề công bằng và công bằng xã hội. Các nhà nghiên cứu nữ quyền xu hướng xã hội cũng như cách tiếp cận GAD rất quan tâm đến sự áp bức phụ nữ trong gia đình và đi vào “lãnh vực riêng tư” để phân tích các mối quan hệ vợ chồng. GAD cũng nhấn mạnh đến sự tham gia nhiều hơn của nhà nước vào việc tăng cường giải phóng phụ nữ, Nhà nước phải có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ xã hội cho phụ nữ. Vấn đề này ngày càng trở nên có tính chính trị trong thập niên 1980, vì có nhiều quốc gia đã giảm trợ cấp hoặc tư nhân hóa các dịch vụ chăm sóc trẻ em và chăm sóc sức khỏe.

GAD xem phụ nữ là tác nhân của những thay đổi, của phát triển, chứ không đơn thuần là người thụ hưởng những hỗ trợ cho phát triển, và họ nhấn mạnh rằng phụ nữ phải tự tổ chức lại và phải có tiếng nói chính trị mạnh hơn.

GAD thừa nhận tầm quan trọng của sự đoàn kết giai cấp cũng như những sự phân biệt giai cấp, nhưng nhấn mạnh rằng thức hệ gia trưởng tác động cả trong nội bộ giai cấp và xuyên qua tất cả các giai cấp để áp bức phụ nữ. Một điểm mấu chốt mà GAD nhắm tới là tăng cường các quyền hợp pháp của phụ nữ, kể cả những quyền thừa kế và đất đai.

1.3. Một số phương pháp nghiên cứu của tâm lý học phụ nữ

1.3.1 Các nguyên tắc phương pháp luận

1.3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính khách quan

Đảm bảo tính khách quan trong nghiên cứu tâm lý là phải lấy chính các hiện tượng tâm lý làm đối tượng nghiên cứu. Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong trạng thái tồn tại tự nhiên của nó, đảm bảo tính trung thực, không thêm bớt trong quá trình nghiên cứu.

1.3.1.2. Nguyên tắc quyết định luận duy vật biện chứng

Nguyên tắc này chỉ rõ khi nghiên cứu tâm lý thừa nhận tâm lý người mang bản chất xã hội lịch sử do yếu tố xã hội quyết định nhưng không phủ nhận vai trò điều kiện của các yếu tố sinh học (tư chất, hoạt động thần kinh cấp cao...) đặc biệt khẳng định vai trò quyết định trực tiếp của hoạt động chủ thể.

1.3.1.3. Nguyên tắc thống nhất tâm lý, ý thức với hoạt động

Nguyên tắc này khẳng định tâm lý, ý thức không tách rời khỏi hoạt động, nó được hình thành, bộc lộ và phát triển trong hoạt động, đồng thời điều khiển, điều chỉnh hoạt động. Vì vậy khi nghiên cứu tâm lý phải thông qua hoạt động, diễn biến và các sản phẩm của hoạt động.

1.3.1.4. Nghiên cứu các hiện tượng tâm lý trong các mối liên hệ giữa chúng với nhau và trong mối liên hệ giữa chúng với các hiện tượng khác

Các hiện tượng tâm lý không tồn tại biệt lập mà chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau và với các hiện tượng tự nhiên, xã hội khác. Vì vậy khi nghiên cứu tâm lý không được xem xét một cách riêng rẽ, mà phải đặt chúng trong mối liên hệ và quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý trong nhân cách và giữa hiện tượng tâm lý với các hiện tượng khác nhằm chỉ ra được những ảnh hưởng lẫn nhau, các quan hệ phụ thuộc nhân quả, những quy luật tác động qua lại giữa chúng.

1.3.1.5. Nghiên cứu tâm lý trong sự vận động và phát triển

Tâm lý con người có sự nảy sinh, vận động và phát triển. Sự phát triển tâm lý là quá trình liên tục tạo ra những nét tâm lý mới đặc trưng cho các giai đoạn phát triển tâm lý nhất định cho nên khi nghiên cứu tâm lý phải thấy được sự biến đổi của tâm lý chứ không cố định, bất biến và chỉ ra những nét tâm lý mới đặc trưng cho mỗi một giai đoạn phát triển tâm lý.

1.3.2. Một số phương pháp nghiên cứu cụ thể

1.3.2.1. Phương pháp quan sát

Khái niệm

Quan sát là một phương pháp thu thập thông tin trong nghiên cứu khoa học nói chung và trong nghiên cứu tâm lý học nói riêng. Quan sát được sử dụng như một trong các phương pháp cụ thể để thu thập các thông tin đầu tiên. Tính chất của phương pháp quan sát là tri giác các đặc điểm, các mối liên hệ phản ánh tình trạng hiện có của đối

tượng cần nghiên cứu. Cơ sở của phương pháp này là tri giác trực tiếp (nhìn bằng mắt, nghe bằng tai) của người nghiên cứu đối với những biểu hiện bên ngoài là hành vi hoạt động ở một trạng thái nhất định của người được quan sát. Như vậy, quan sát là phương pháp thu thập thông tin sơ cấp về đối tượng cần quan sát bằng cách tri giác trực tiếp và ghi chép lại những nhân tố có liên quan đến đối tượng nghiên cứu và có ý nghĩa đối với mục đích nghiên cứu.

Các loại quan sát

Tùy theo từng tiêu chí phân loại, trong nghiên cứu tâm lý có những loại hình quan sát chủ yếu như sau: quan sát công khai và quan sát bí mật, quan sát có tham dự và quan sát không tham dự, quan sát bối cảnh tự nhiên và quan sát trong phòng thí nghiệm. Trong nội dung của tài liệu này, chúng tôi sẽ giới thiệu hai loại hình quan sát chính, đó là quan sát tham dự và quan sát không tham dự.

Quan sát tham dự: Quan sát tham dự là quá trình tri giác đối tượng được nghiên cứu qua việc người quan sát tham gia trực tiếp vào các hoạt động cùng đối tượng. Ví dụ, để nghiên cứu về cuộc sống của những cô vũ nữ, bạn cần học nhảy và biểu diễn ở sàn nhảy, sau đó sinh sống cùng với những cô gái nhảy... Đối với quan sát tham dự, người nghiên cứu trực tiếp tiếp xúc với đối tượng được nghiên cứu trong các chủ đề và tham gia vào các hoạt động của họ ở nhiều mức độ khác nhau. Quan sát tham dự sẽ tạo cho người nghiên cứu những trải nghiệm hiện tượng đang cần nghiên cứu. Điều đó hữu ích và có giá trị khoa học thực tiễn cao hơn rất nhiều so với việc hình dung xem người khác có thể suy nghĩ hay có những cảm tưởng như thế nào đối với chủ đề nghiên cứu. Quan sát tham dự giúp các nghiên cứu viên biết cách xây dựng các câu hỏi phù hợp bằng ngôn ngữ địa phương. Nó cung cấp cho nghiên cứu viên những hiểu biết mang tính chất trực giác về những gì xảy ra trong một nền văn hóa, giúp họ hiểu ý nghĩa của các số liệu thu thập được; tối ưu hóa khả năng của họ trong việc xây dựng các kết luận về nền văn hoá đang được nghiên cứu. Quan sát tham dự đặc biệt phù hợp khi sử dụng để tìm hiểu về quá trình, sự kiện, tiêu chí, giá trị và ngữ cảnh của các tình huống xã hội. Để tránh hiện tượng nhóm được quan sát bị nhà nghiên cứu vô tình tác động hoặc chính nhóm đó tác động đến nhà nghiên cứu làm giảm tính khách quan của cuộc nghiên cứu, người ta sử dụng đến phương pháp không tham dự

Quan sát không tham dự: Nếu quan sát tham dự, việc nhà nghiên cứu tham gia trực tiếp vào hoạt động của đối tượng cần quan sát, thì quan sát không tham dự là việc nhà nghiên cứu đứng ngoài các hoạt động của đối tượng để thực hiện việc quan sát. Quan sát không tham dự là người nghiên cứu đứng ngoài cuộc và điều hành quan sát, không tham gia trực tiếp cùng nhóm đối tượng cần quan sát. Khi quan sát không tham dự, quan sát viên đóng vai trò là người quan sát bên ngoài cộng đồng của những người được quan sát. Người quan sát viên chỉ quan sát và ghi chép lại toàn bộ quá trình xảy ra hiện tượng. Quan sát viên không can thiệp vào các hoạt động của đối tượng. Quan sát viên không đặt ra bất kỳ một câu hỏi nào với đối tượng. Đối tượng được quan sát có thể không nhận ra được mình đang bị quan sát.

Ưu nhược điểm của phương pháp quan sát

+ *Ưu điểm*

Quan sát thường mang lại những thông tin có đặc tính mô tả. Chính vì vậy, quan sát có khả năng chỉ ra được những biểu hiện muôn hình, muôn vẻ của cá nhân/nhóm xã hội được quan sát, nghiên cứu, qua đó có thể giúp xác định chính xác hơn những dữ kiện đang xảy ra có liên quan đến chủ đề nghiên cứu. Khi nghiên cứu đối tượng trong điều kiện hoạt động tự nhiên, bình thường của nó, phương pháp quan sát cho phép ghi lại những biến đổi khác nhau của đối tượng được nghiên cứu lúc nó xuất hiện, cho phép nắm bắt đối tượng một cách trực tiếp, đầy đủ với những đặc điểm và mối liên hệ có thực. Thay vì hồi cố, suy tưởng lại những gì khách thể đã từng trải nghiệm thì nhà nghiên cứu có thể quan sát và ghi chép được từng biểu hiện của hành vi cụ thể trong điều kiện và tình huống cụ thể. Do đó thông tin thu được sẽ chính xác và đầy đủ.

Quan sát được xem là phương pháp rất có giá trị khi nghiên cứu về bản chất và đặc điểm của những chủ đề liên quan. Việc nhà nghiên cứu “có mặt ở đó” là một can thiệp rất hữu ích để tìm hiểu được bản chất của vấn đề cần nghiên cứu.

Qua quan sát, người nghiên cứu có thể thấy được những hiện tượng còn lẫn khuất trong quá trình nghiên cứu. Vì vậy, nếu thiếu dữ liệu quan sát các thông tin cần thiết, thì có thể dẫn đến những kết luận cảm tính, thiếu chính xác hoặc hạn chế về căn cứ khoa học. Trong một số trường hợp, quan sát là phương pháp duy nhất thích hợp với một số đối tượng cần nghiên cứu. Quan sát còn giúp người phụ nữ trong những

cuộc nghiên cứu thăm dò, bởi lẽ nhiều khi người nghiên cứu chưa có quan hệ thân thuộc với đối tượng, chưa biết phải đặt câu hỏi như thế nào thì một cuộc quan sát thăm dò có thể gợi ý cho người nghiên cứu những ý tưởng thích hợp.

Thông thường quan sát đòi nhiều thời gian và do đó mối quan hệ giữa người nghiên cứu và đối tượng khảo sát thân mật hơn, trở thành quan hệ sơ cấp hơn là các quan hệ trong cuộc nghiên cứu. Mối quan hệ sơ cấp này có thể cho người phụ nữ thu thập những dữ kiện trung thực hơn. Đồng thời, phương pháp này được tiến hành trong một khung cảnh tự nhiên, do đó ít gây những phản ứng về phía đối tượng so với các phương pháp khác. Quan sát trên hiện trường không gò bó đối tượng về mặt thời gian, để cho đối tượng có thời gian thoải mái và người nghiên cứu cũng có nhiều thời gian để ghi nhận diễn tiến các sự kiện.

+ Nhược điểm

Thông tin thu được và hướng khai thác phụ thuộc vào tính chủ quan của người quan sát. Vì vậy, quan sát khó tránh khỏi sự áp đặt những ấn tượng, ý chí chủ quan của người nghiên cứu đối với hành vi, hoạt động của đối tượng được quan sát. Sự can thiệp của chủ thể vào quá trình quan sát sẽ làm ảnh hưởng đến tính khách quan và tính tự nhiên trong hoạt động của đối tượng. Sự kiện xảy ra có thời hạn và không bao giờ lặp lại như cũ nên thời gian quan sát bị hạn chế.

Bằng quan sát, khó xác định được ý kiến, đánh giá của người được quan sát, mục đích, nguyên nhân của hành động bởi vì người quan sát chỉ thấy được những biểu hiện bên ngoài mà khó đi sâu tìm hiểu bản chất bên trong của đối tượng. Sự hiện diện của người quan sát có thể sẽ ảnh hưởng đến tính xác thực/ khách quan đối với hành vi của người được quan sát.

Đây là phương pháp đòi hỏi tốn nhiều thời gian và các nguồn lực vật chất khác. Bởi các thông tin thu được khi sử dụng phương pháp quan sát cần có sự hỗ trợ của các trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật hiện đại.

Trong bối cảnh tự nhiên, người nghiên cứu có thể rất ít kiểm soát các biến số có thể ảnh hưởng đến những dữ liệu quan sát. Những dữ liệu quan sát đem lại cũng khó định lượng hóa. Trong quan sát, thường chỉ đưa ra những nhận thức định tính của người quan sát, chứ ít khi đưa ra số liệu có tính cách định lượng.

Với kỹ thuật quan sát, người ta cũng chú trọng nhiều hơn đến việc mô tả những dữ kiện chủ quan. Nhiều nhà nghiên cứu nhận thấy, thay vì đo đếm các cảm xúc nên đưa ra các đánh giá chủ quan về các ứng xử trong các trường hợp này, do đó người ta thường dùng các trích dẫn, ghi lại các dữ kiện trên bằng cách viết ra.

1.3.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Khái niệm bảng hỏi

Một trong những cách phổ biến nhất mà các nhà nghiên cứu tâm lý học vận dụng để thu thập thông tin là thiết kế xây dựng bảng hỏi. Các câu hỏi được xem là cơ sở chủ yếu tạo nên bảng hỏi. Việc đặt các câu hỏi theo một trật tự hệ thống và được xây dựng theo mục đích chính là quá trình thiết kế bảng hỏi. Có thể xem bảng hỏi như một tấm gương phản chiếu nội dung của một nghiên cứu. Bảng hỏi là một công cụ rất có giá trị trong thu thập thông tin nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu. Tùy theo phương pháp thu thập thông tin và cách tiếp cận khác nhau sẽ có các loại bảng hỏi khác nhau phản ánh đặc thù của từng phương pháp.

Còn đối với các nghiên cứu định tính, việc xây dựng bảng hỏi cũng rất cần thiết. Trong trường hợp sử dụng phương pháp quan sát, phỏng vấn sâu hoặc thảo luận nhóm, nếu người nghiên cứu chuẩn bị trước các câu hỏi, để theo đó tiến hành thu thập thông tin thì nghiên cứu sẽ có tính khoa học hơn, chất lượng thông tin sẽ tốt hơn.

Bảng hỏi là một hệ thống các câu hỏi được xếp đặt trên cơ sở các nguyên tắc, tâm lý, logic và theo nội dung nhất định nhằm tạo điều kiện cho người được hỏi thể hiện được quan điểm của mình thuộc về đối tượng nghiên cứu và người nghiên cứu thu nhận được các thông tin cá biệt đầu tiên đáp ứng các yêu cầu của đề tài và mục tiêu nghiên cứu

Bảng hỏi cũng là phương tiện dùng để giao tiếp giữa người nghiên cứu và người trả lời trong các phương pháp phỏng vấn. Một bảng hỏi xây dựng tốt sẽ thu được những thông tin khách quan, đáng tin cậy. Vì vậy, việc đầu tư thời gian, công sức trong quá trình xây dựng bảng hỏi là những chú trọng cần thiết. Một bảng hỏi đạt yêu cầu cần có nhiều yếu tố, trong đó chú ý hai yếu tố cơ bản nhất, đó là phải đáp ứng được mục tiêu của nghiên cứu tâm lý phụ nữ và phù hợp với trình độ, tâm lý người được hỏi trong nghiên cứu.

Các loại câu hỏi thường sử dụng trong bảng hỏi nghiên cứu: Căn cứ vào hình thức, các câu hỏi được chia thành câu hỏi đóng, câu hỏi mở và câu hỏi kết hợp.

+ *Câu hỏi đóng:* Dạng câu hỏi mà có các phương án trả lời được cấu trúc, được ấn định sẵn. Trong câu hỏi đóng, người ta chia nhỏ thành các loại câu hỏi cơ bản như: câu hỏi chọn một phương án, câu hỏi đóng chọn nhiều phương án. Câu hỏi đóng chọn một phương án: Đây là dạng câu hỏi mà người được hỏi chỉ có thể chọn một trong hai phương án trả lời như “có” hoặc “không”, “đồng ý” hoặc “không đồng ý”. Dạng câu hỏi này còn có thể gọi là câu hỏi đóng đơn giản, đặc điểm cơ bản của loại câu hỏi này là các phương án loại trừ nhau.

Câu hỏi đóng chọn nhiều phương án: Là loại câu hỏi mà nhiều câu trả lời được liệt kê và yêu cầu chọn một câu trả lời thích hợp nhất: Đặc điểm của loại câu hỏi này các phương án trả lời phải đảm bảo độc lập về nội dung (không chồng chéo). Đảm bảo bao phủ tất cả tình huống trả lời.

+ *Câu hỏi mở:* Là loại câu hỏi không có các phương án trả lời được ấn định sẵn, người trả lời sẽ tự trả lời các quan điểm ý kiến của họ liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Đây là loại câu hỏi thích hợp để khám phá những chủ đề mới. Câu hỏi mở có khả năng bao quát rất rộng, nó cũng cho phép ghi nhận được khá đầy đủ chính kiến, tâm tư, suy nghĩ của người được phỏng vấn. Vì vậy, loại câu hỏi này xây dựng nhiều trong các cuộc phỏng vấn sâu.

+ *Câu hỏi đóng - mở kết hợp:* có sẵn một số phương án trả lời, nhưng cũng cho ghi lại những câu trả lời khác. Là câu hỏi có sẵn một số phương án trả lời, nhưng cũng có chỗ để ghi những phương án trả lời khác. Câu hỏi kết hợp đóng – mở được sử dụng khi phương án trả lời có quá nhiều hoặc người nghiên cứu chưa lường hết được các phương án. Đồng thời, cũng không muốn áp đặt toàn bộ đáp án trả lời. Với những câu hỏi này, ưu điểm nổi bật là giúp cho thời gian mã hóa nhanh hơn so với mã hóa câu hỏi mở. Việc sắp xếp các câu hỏi cũng phải theo trật tự từ đơn giản đến phức tạp, từ sự kiện sang nhận thức, từ cái chung đến cái riêng. Các câu hỏi cũng cần liên tục nhau, tránh đứt quãng để thu hút sự thành thực của người trả lời. Ngoài ra, bảng hỏi cũng nên bắt đầu với những câu hỏi có tính trung lập, không đụng chạm đến quyền lợi và tự trọng của người được hỏi để lôi kéo họ quan tâm vào vấn đề nghiên cứu. Các câu hỏi